

Số: **459/2024/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 17 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, K 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 426/2024/TLST-việcHNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Bùi Thanh T; Sinh năm 1964;

2. Bà Dương Thị Mai H; Sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Căn hộ chung cư S nhà H, tổ dân phố số H, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh T và bà Dương Thị Mai H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2008 (Số; 52; *Quyển số: 01/2008*) tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hà Tây (Nay là: phường P, quận H, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống, ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2020 đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã cùng nhau đưa ra phương án giải quyết những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông T và bà H đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay và cả hai không thể chung sống cùng nhau, không có khả năng đoàn tụ. Mục đích của

hôn nhân không đạt được, ông T và bà H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn;

[2] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là: Cháu Bùi Thị Bạch D, sinh ngày 18/12/2008. Ông T, bà H thỏa thuận: Khi ly hôn, bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bạch D. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có;

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh T và bà Dương Thị Mai H thuận tình ly hôn;

1.2. Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là: Cháu Bùi Thị Bạch D, sinh ngày 18/12/2008. Khi ly hôn, bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bạch D. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

1.3. Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

1.4. Về nợ chung: Không có;

2. Về lệ phí Tòa án: Bà H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận bà H đã

nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0028072 ngày 09/10/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- Chi cục T3.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Phúc La, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lệ T1

Số: 437/2024/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, K 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 400/2024/TLST-việcHNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Cảnh T2, sinh năm 1997; HKTT và ở: tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La;

2. Chị Vũ Quỳnh L, sinh năm 1996; HKTT và ở: CT3-11.8 I, tổ dân phố A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cảnh T2 và chị Vũ Quỳnh Liên kết H1 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N, thành phố Hà Nội ngày 29/4/2021 (*Số B*). Quá trình chung sống, anh T2 và chị L phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh T2 và chị L đã nhiều lần hòa giải và tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì lý do cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh T2 và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T2 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T2 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2

cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T2 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/9/2024, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Cảnh T2 và chị Vũ Quỳnh L thuận tình ly hôn.

1.2. **Về con chung:** Anh T2 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T2 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T2 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T2 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận anh T2 đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0028019 ngày 19/9/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Anh T2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;

THẨM PHÁN

- UBND phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội Đỗ Thị Lệ Thủy
(*GCNKH Số 165/2008*)
- Lưu HS, VP.